TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG ANA** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/DS-ST
Ngày: 09 - 6 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Thế Chiến.

2. Ông Vũ Kim Quy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 137/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1967. Có mặt.

Địa chỉ: Số X, thôn D, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1985. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị Trâm A ; địa chỉ Số X, thôn D, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ghi ngày 26/6/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Dtrình bày:*

Do có mối quan hệ hàng xóm với nhau nên bà Nguyễn Thị D có cho chị Phạm Thị H vay tiền nhiều lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 22/12/2017, bà D có cho chị H vay 50.000.000 đồng, hẹn vài ngày trả.

Lần 2: Ngày 30/12/2017, bà D có cho chị H vay 30.000.000 đồng, hẹn trong 1 tuần trả.

Lần 3: Ngày 15/3/2019, bà D có cho chị H vay 70.000.000 đồng, hẹn 5 ngày trả.

Lần 4: Ngày 18/4/2019, bà D có cho chị H vay 65.000.000 đồng, hẹn 02 ngày trả.

Về lãi suất các khoản vay trên thì giữa bà với chị H có thỏa thuận là 2.000 đồng/1triệu/1ngày; tuy nhiên từ khi vay cho đến nay chị H chưa trả cho bà D khoản tiền lãi nào như đã thỏa thuận.

Sau khi mượn tiền xong của bà D đến lần thứ 4 thì chị H đi khỏi địa phương và đến ngày 26/11/2021 chị H về trả cho bà D được 100.000.000 đồng.

Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho bà , nay bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Phạm Thị H phải trả cho bà D số tiền gốc còn lại là 115.000.000đồng của 02 khoản vay năm 2019 và lãi tính theo quy định pháp luật từ ngày 18/4/2019 cho đến nay.

** Theo bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Phạm Thị H trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết nên chị H có vay tiền của bà Nguyễn Thị D, cụ thể:

Ngày 15/3/2019 chị H có vay tiền của bà D số tiền 70.000.000 đồng.

Ngày 18/4/2019 chị H có vay tiền của bà D số tiền 65.000.000 đồng.

Ngày 26/11/2021 chị H đã trả cho bà D 100.000.000 đồng.

Vậy, nay chị H xác định chỉ còn nợ bà D số tiền gốc 35.000.000 đồng.

Đối với khoản vay ngày 22/12/2017 và ngày 30/12/2017 thì chị H có vay, lãi suất các khoản vay giữa các bên có thỏa thuận là 2.000 đồng/1triệu/1ngày và ngày 24/3/2018 chị H đã trả số nợ này cho bà D thông qua con gái của bà D tên Nguyễn Thị Trâm A với số tiền 100.000.000 đồng. Vậy, nay chị H xác định chỉ còn nợ bà D 35.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi của số tiền gốc này chị đã trao đổi với bà D do làm ăn khó khăn, thất bại nên chị xin bà D tiền lãi này và được bà D hứa cho tất cả tiền lãi.

** Người làm chứng chị Nguyễn Thị Trâm A trình bày :* Vào ngày 24/3/2018, chị A có nhận của chị Phạm Thị H số tiền 100.000.000 đồng thay cho mẹ chị bà Nguyễn Thị D, vì hôm đó mẹ chị không có ở nhà. Khi chị H đưa số tiền này cho chị A chỉ có nói chị đưa số tiền này cho mẹ chị A, còn cụ thể tiền gì thì chị H không nói chị A biết. Sau khi nhận số tiền 100.000.000 đồng từ chị H thì chị A có ký nhận cho chị H vào 01 tờ lịch và đưa cho chị H giữ. Về số tiền 100.000.000 đồng sau khi nhận của chị H chị A đã đưa lại cho mẹ chị bà D, ngoài ra chị A không biết gì thêm. Vì không liên quan đến việc vay mượn giữa mẹ chị bà D với chị H và bận công việc nên chị A đề nghị Tòa án không triệu tập chị A tham gia giải quyết vụ án , chị xin vắng mặt trong các buổi làm việc cũng như tại phiên tòa xét xử vụ án.

Bị đơn vắng mặt nên không tiến hành tranh luận được.

**** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk:***

- Về tố tụng:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn chị Phạm Thị H chưa chấp hành đúng quy định pháp luật.

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thông báo về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D; buộc chị Phạm Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền gốc 115.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất theo quy định pháp luật.

+ Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

[1.1]. Thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 238, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Phạm Thị H phải trả cho bà số tiền gốc 115.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự xác định là quan hệ *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

Bị đơn chị Phạm Thị H cư trú tại thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý, giải quyết vụ án dân sự là đúng thẩm quyền.

[2]. Nội dung:

[2.1]. Về số tiền các bên giao dịch: Bị đơn chị Phạm Thị H thừa nhận có vay và ký giấy mượn tiền của bà D vào ngày 22/12/2017 với số tiền 50.000.000 đồng, ngày 30/12/2017 với số tiền 30.000.000 đồng, ngày 15/3/2019 với số tiền 70.000.000 đồng và ngày 18/4/2019 với số tiền 65.000.000 đồng. Như vậy, việc chị Phạm Thị H vay tiền của bà Nguyễn Thị D là có thật.

[2.2]. Xét ý kiến của bị đơn chị Phạm Thị H cho rằng:

Sau khi ghi và ký giấy ghi nợ ngày 22/12/2017 với số tiền vay 50.000.000 đồng, ngày 30/12/2017 với số tiền vay 30.000.000 đồng thì đến ngày 24/3/2018 chị H đã trả cho bà D 100.000.000 đồng thông quan con gái bà D là chị Nguyễn Thị Trâm A và ngày 15/3/2019 với số tiền vay 70.000.000 đồng, ngày 18/4/2019 với số tiền vay 65.000.000 đồng thì đến ngày 26/11/2021 chị H đã trả cho bà D

số tiền gốc là 100.000.000 đồng nên chị H chỉ còn nợ bà D số tiền gốc còn lại là 35.000.000 đồng;

Tuy nhiên, về tài liệu chứng cứ chứng minh ngày 24/3/2018 chị H trả cho bà D 100.000.000 đồng của khoản vay ngày 22/12/2017 với số tiền vay 50.000.000 đồng, ngày 30/12/2017 với số tiền vay 30.000.000 đồng và ngày 26/11/2021 chị H trả cho bà D 100.000.000 đồng của khoản vay ngày 15/3/2019 với số tiền vay 70.000.000 đồng, ngày 18/4/2019 với số tiền vay 65.000.000 đồng thì không có. Đồng thời , nguyên đơn bà D chỉ thừa nhận chị H trả 100.000.000 đồng vào ngày 24/3/2018 thông quan con gái bà cháu Nguyễn Thị Trâm A thì đây là khoản tiền chị H trả cho bà D khoản vay ngày 16/02/2018 với số tiền vay 220.000.000 đồng mà ngày 15/3/2018 chị H đã trả cho bà D 120.000.000 đồng; còn ngày 26/11/2021 chị H trả cho bà D 100.000.000 đồng cho khoản vay ngay 22/12/2017 và ngày 30/12/2017, tổng số tiền vay 80.000.000 đồng, còn lại 20.000.000 đồng trừ vào khoản vay ngay 15/3/2019, ngày 18/4/2019, với tổng số tiền 135.000.000 đồng thì chị H còn nợ lại bà D số tiền gốc là 115.000.000 đồng.

Vì vậy, xét thấy bị đơn chị Phạm Thị H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, đồng thời nguyên đơn bà Nguyễn Thị D cũng không thừa nhận nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến của bị đơn chị H cho rằng ngày 24/3/2018 chị H trả cho bà D 100.000.000 đồng của khoản vay ngày 22/12/2017 với số tiền vay 50.000.000 đồng, ngày 30/12/2017 với số tiền vay 30.000.000 đồng và ngày 26/11/2021 chị H trả cho bà D 100.000.000 đồng của khoản vay ngày 15/3/2019 với số tiền vay 70.000.000 đồng, ngày 18/4/2019 với số tiền vay 65.000.000 đồng, hiện nay chị H chỉ còn nợ bà D 35.000.000 đồng.

[2.3]. Về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D:

[2.3.1]. Xét yêu cầu trả tiền gốc:

Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị D chỉ yêu cầu chị Phạm Thị H phải trả cho bà số tiền gốc còn lại là 115.000.000đồng và để chứng minh cho yêu cầu của mình nguyên đơn bà D đã cung cấp cho Tòa án Giấy ghi nợ ngày 15/3/2019 và ngày 18/4/2019 đều có chữ viết , ký của chị Phạm Thị H là bên mượn tiền nhận nợ.

Xét giấy ghi nhận nợ ngày 15/3/2019 và ngày 18/4/2019 đều được các bên đương sự thừa nhận có chữ ký của người mượn tiền với tổng số tiền 135.000.000 đồng và nguyên đơn bà D chỉ thừa nhận bị đơn chị H đã trả được 20.000.000 đồng tiền gốc; đối với số tiền mà bị đơn chị H cho rằng ngày 26/11/2021 chị H đã trả cho bà D 100.000.000 đồng cho khoản vay ngày 15/3/2019, ngày 18/4/2019 thì không có căn cứ để chấp nhận như đã phân tích ở mục [2.2] nêu trên. Như vậy, việc ký mượn tiền của bị đơn chị H là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia giao dịch có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự cho nên giao dịch mượn tiền ghi nhận nợ ngày 15/3/2019 và ngày 18/4/2019 mà bà Nguyễn Thị D cho chị Phạm Thị H vay tiền là phù hợp với quy định của pháp luật, đủ các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự; việc chị Phạm Thị H không trả nợ cho bà D như đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó, căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D, buộc bị đơn chị Phạm Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền 115.000.000 đồng nợ gốc là có căn cứ.

[2.3.2]. Xét yêu cầu trả tiền lãi: Các bên đương sự đều thừa nhận lãi suất của các khoản vay này là 2.000 đồng/1triệu/1ngày. Việc bị đơn chị H cho rằng đã trả hết lãi như đã thỏa thuận nhưng chị H không có tài liệu chứng cứ chứng minh; còn nguyên đơn bà D không thừa nhận chị H đã trả tiền lãi như đã thỏa thuận. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà D đề nghị Tòa án tính lãi suất theo quy định pháp luật và bắt đầu tính lãi từ ngày 18/4/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Do đó căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự, buộc bị đơn chị H phải chịu lãi theo quy định; căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tính lãi 10%/01 năm là phù hợp. Vậy, số tiền lãi tính từ ngày 18/4/2019 cho đến ngày 26/11/2021 của số tiền gốc 135.000.000 đồng là 34.012.500 đồng, từ ngay 27/11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 09/6/2022 của số tiền gốc 115.000.000 đồng là 6.156.277 đồng. Tổng số tiền lãi là 40.168.777 đồng.

[2.4]. Như vậy, từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị Phạm Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị D tổng số tiền là: 155.168.777 đồng (Trong đó tiền nợ gốc là: 115.000.000 đồng và tiền lãi là: 40.168.777 đồng) là có căn cứ.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D được chấp nhận nên bị đơn chị Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 155.168.777 đồng x 5% = 7.758.438đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền 5.375.000đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: 60AA/2021/0007004 ngày 20/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2]. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D.

- Buộc bị đơn chị Phạm Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền là: 155.168.777 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu một trăm sáu tám nghìn bảy trăm bảy bảy đồng). Trong đó tiền nợ gốc là: 115.000.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng) và tiền lãi là: 40.168.777 đồng (Bốn mươi triệu một trăm sáu tám nghìn bảy trăm bảy bảy đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3]. Về án phí:

Bị đơn chị Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.758.438 đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền 5.375.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: 60AA/2021/0007004 ngày 20/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo luật định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Ana;
- Chi cục THADS huyện Krông Ana;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Thành